ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3805 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án "Tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 60-CT/TW ngày 22/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới;

Căn cứ Kết luận số 236-KL/TW ngày 25/01/2026 của Ban Bí thư "Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số";

Căn cứ Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 236-KL/TW ngày 25/01/2026 của Ban Bí thư "Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số";

Căn cứ Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Chỉ thị số 60-CT/TW ngày 22/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 79/TTr-SDTTG ngày 06/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án "Tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã: Tam Chung, Quang Chiểu, Nhi Sơn, Pù Nhi, Trung Lý, Mường Lý, Sơn Thủy, Na Mèo, Phú Lệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 Quyết định;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hoá;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã: Tam Chung, Quang Chiểu, Nhi Sơn, Pù Nhi, Trung Lý, Mường Lý, Sơn Thủy, Na Mèo, Phú Lệ;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

ĐỀ ÁN

Tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đồng bào dân tộc Mông tỉnh Thanh Hóa hiện có 3.900 hộ, với 21.409 người, sinh sống tập trung tại 25 bản thuộc 09 xã; trong đó, 24/25 bản thuộc diện đặc biệt khó khăn. Đây là địa bàn có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới và môi trường sinh thái. Những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện; công tác tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống văn hóa mới, xóa bỏ tập quán lạc hậu đã được quan tâm triển khai và đạt một số kết quả tích cực.

Tuy nhiên, do điều kiện địa hình chia cắt, dân cư phân tán, cơ sở hạ tầng còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao; cùng với ảnh hưởng của tập quán lâu đời, trình độ tiếp cận thông tin và nhận thức pháp luật của một bộ phận đồng bào còn hạn chế, một số hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và nguy cơ hôn nhân cận huyết thống vẫn là những vấn đề cần tập trung giải quyết. Những tồn tại này không chỉ ảnh hưởng đến việc xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện chính sách dân tộc, giảm nghèo bền vững mà còn tác động trực tiếp đến sức khỏe, chất lượng dân số, quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, cũng như sự phát triển lâu dài của vùng đồng bào Mông.

Trong thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ, vẫn còn gần 10% số đám tang để người chết trong nhà quá 48 giờ; một số trường hợp tổ chức cúng lễ kéo dài, giết mổ nhiều trâu, bò, ăn uống linh đình, gây tốn kém, ảnh hưởng đến sức khỏe, vệ sinh môi trường và đời sống kinh tế của gia đình. Bên cạnh đó, còn khoảng 33% số bản chưa có nghĩa địa tập trung *(14/43 bản đồng bào Mông trước khi thực hiện sắp xếp)* hoặc điều kiện giao thông đến nghĩa địa chưa thuận lợi, gây khó khăn cho việc tổ chức mai táng, quản lý đất đai và đầu tư hạ tầng. Thực trạng này cho thấy việc thay đổi tập quán trong tang lễ cần được triển khai đồng bộ giữa tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của cộng đồng với rà soát quy hoạch, bố trí địa điểm mai táng và từng bước cải thiện điều kiện hạ tầng phù hợp với thực tế từng địa phương.

Đối với tình trạng tảo hôn và nguy cơ hôn nhân cận huyết thống, giai đoạn 2021 - 2025, tỷ lệ cặp tảo hôn trong vùng đồng bào Mông còn trên 23%, cao nhất trong các dân tộc của tỉnh. Một bộ phận đồng bào vẫn chịu ảnh hưởng của quan niệm, tập quán hôn nhân truyền thống, trong khi công tác quản lý, phát hiện sớm, tư vấn và ngăn ngừa tại cộng đồng có mặt còn hạn chế. Tảo hôn làm ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản, cơ hội học tập, việc làm và tương lai của trẻ em; nguy cơ hôn nhân cận huyết thống đặt ra yêu cầu cấp thiết về bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số và phát triển nguồn nhân lực. Vì vậy, cần chuyển mạnh từ tuyên truyền chung sang tuyên truyền có trọng tâm, đúng nhóm đối tượng, kết hợp giáo dục trong nhà trường, tư vấn tại gia đình, phát huy vai trò của trưởng bản, trưởng dòng họ, người có uy tín và chủ động phát hiện, ngăn ngừa các trường hợp có nguy cơ.

Thực tiễn trên cho thấy, những vấn đề cần giải quyết có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bắt nguồn từ cả yếu tố nhận thức, tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ thiết yếu. Nếu chỉ thực hiện các hoạt động tuyên truyền đơn lẻ, thiếu liên tục, chưa gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành và cộng đồng thì khó tạo được chuyển biến thực chất, đồng đều và bền vững. Do đó, cần xây dựng một Đề án chuyên biệt cho vùng đồng bào Mông, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu định lượng, nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, đồng thời bảo đảm nguồn lực và cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả.

Đặc biệt, Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 60-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới đã đặt ra yêu cầu duy trì mục tiêu 100% đám tang của đồng bào Mông sử dụng quan tài, tổ chức chu đáo, không kéo dài ngày, không bắn súng báo tang, xóa bỏ hoàn toàn các hủ tục lạc hậu; đồng thời đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đây là yêu cầu chính trị quan trọng, đòi hỏi phải được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, có phân công trách nhiệm và cơ chế theo dõi kết quả rõ ràng.

Từ yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ nêu trên, việc xây dựng và triển khai Đề án "Tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030" là cần thiết và cấp thiết. Đề án nhằm tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, gia đình, dòng họ và đồng bào Mông; từng bước hình thành nếp sống văn hóa mới trên cơ sở kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, kiên trì loại bỏ tập quán lạc hậu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, nâng cao chất lượng dân số, góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa phát triển ổn định, bền vững.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

- Chỉ thị số 60-CT/TW ngày 22/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới;

- Kết luận số 236-KL/TW ngày 25/01/2026 của Ban Bí thư "Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số";

- Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 31/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 236-KL/TW ngày 25/01/2026 của Ban Bí thư "Về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số";

- Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Chỉ thị số 60-CT/TW ngày 22/01/2026 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Các văn bản của Trung ương

- Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045;

- Văn bản hợp nhất số 05/2026/VBHN-TT-BVHTTDL ngày 21/9/2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

2.2. Các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

- Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Công văn số 12459/UBND-VHXH ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Chỉ thị 60-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Mông trong giai đoạn mới;

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề cương Đề án.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- Đồng bào dân tộc Mông cư trú ổn định tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ, công chức, viên chức xã; cán bộ thôn, bản, các tổ chức đoàn thể; người có uy tín; trưởng các dòng họ trong đồng bào Mông.

- Các tổ chức chính trị xã hội, trường học, trạm y tế, các lực lượng chức năng đứng chân trên địa bàn vùng đồng bào Mông.

2. Phạm vi

Đề án được thực hiện trên địa bàn 09 xã có đồng bào Mông cư trú ổn định tập trung, gồm các xã: Tam Chung, Quang Chiểu, Nhi Sơn, Pù Nhi, Trung Lý, Mường Lý, Sơn Thủy, Na Mèo, Phú Lệ.

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đồng bào Mông thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của tỉnh về thực hiện nếp sống văn hóa mới trong tang lễ; các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình; tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động của cấp ủy, chính quyền, các cơ quan, tổ chức, gia đình, dòng họ và đồng bào dân tộc Mông trong thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng đời sống văn hóa; từng bước loại bỏ những tập quán lạc hậu trong tang lễ, chấm dứt tình trạng tảo hôn, ngăn ngừa hôn nhân cận huyết thống.

- Phát huy vai trò chủ thể của đồng bào trong gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; gắn tuyên truyền, vận động với thực hiện pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, nhất là trẻ em, nâng cao chất lượng dân số và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần. Từng bước hình thành, duy trì nếp sống văn minh thành ý thức tự giác và tập quán bền vững trong cộng đồng đồng bào Mông, góp phần thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các địa bàn có đồng bào Mông sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ

- Đến hết năm 2027, phấn đấu ít nhất 93% số đám tang của đồng bào Mông được tổ chức theo nếp sống văn hóa mới; năm 2028 đạt 95%, năm 2029 đạt 98% và đến năm 2030 đạt 100%.

- Đến hết năm 2027, 100% số bản đồng bào Mông tổ chức ký cam kết thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ; đưa các nội dung phù hợp vào hương ước, quy ước của bản và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hằng năm.

2.2. Về xóa bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa hôn nhân cận huyết thống

- Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn tình trạng tảo hôn trong đồng bào Mông; số trường hợp tảo hôn phát sinh giảm hằng năm, trong đó năm 2027 giảm ít nhất 20%, năm 2028 giảm ít nhất 40%, năm 2029 giảm ít nhất 60% và năm 2030 giảm ít nhất 80% so với số trường hợp phát sinh giai đoạn 2021 - 2025.

- Không để phát sinh trường hợp hôn nhân cận huyết thống thuộc trường hợp bị cấm theo quy định pháp luật; 100% trường hợp có nguy cơ tảo hôn hoặc hôn nhân cận huyết thống được phát hiện phải được tuyên truyền, tư vấn, vận động và phối hợp xử lý kịp thời theo quy định.

2.3. Về công tác tuyên truyền, vận động và phát huy vai trò cộng đồng

- Đến hết năm 2027, 100% số bản đồng bào Mông thành lập và duy trì hoạt động của Tổ tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục.

- Hằng năm, 100% số bản tổ chức ít nhất 04 cuộc hoặc hoạt động tuyên truyền trực tiếp về nếp sống văn hóa trong tang lễ, phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; bảo đảm mỗi hộ gia đình người Mông có ít nhất 01 thành viên được tiếp cận nội dung tuyên truyền trong năm.

- Đến hết năm 2027, 100% cán bộ phụ trách lĩnh vực, trưởng bản, người có uy tín, trưởng dòng họ và thành viên Tổ tuyên truyền được tập huấn kiến thức, kỹ năng; hằng năm tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và đánh giá kết quả hoạt động.

- 100% trường học có học sinh người Mông tổ chức ít nhất 04 hoạt động tuyên truyền mỗi năm học về pháp luật hôn nhân và gia đình, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, quyền trẻ em và hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- Đến hết năm 2027, 100% số bản hoàn thành việc rà soát, bổ sung hương ước, quy ước, trong đó quy định rõ trách nhiệm cộng đồng trong thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ, phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Xây dựng ít nhất 02 mô hình điểm vào năm 2027 gồm: 01 mô hình về thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ và 01 mô hình về xoá bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả tại 25 bản đồng bào Mông từ năm 2028 đến năm 2030.

2.4. Về quy hoạch nghĩa địa và điều kiện tổ chức tang lễ

- Đến hết năm 2027, 100% số bản được rà soát, đánh giá hiện trạng nghĩa địa, đường giao thông kết nối và nhu cầu đầu tư; xác định rõ danh mục, địa điểm, quy mô, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn thực hiện.

- Đến năm 2030, phấn đấu 100% số bản có địa điểm mai táng tập trung phù hợp quy hoạch, bảo đảm điều kiện theo quy định và có đường giao thông đi lại thuận lợi quanh năm; việc đầu tư, cứng hóa đường giao thông và xây dựng nghĩa địa tập trung được thực hiện theo quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và thứ tự ưu tiên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Đề án

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp đối với công tác tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông; xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với phát triển

kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng dân số và thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn.

- Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, kết quả đầu ra và trách nhiệm của người đứng đầu. Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền cơ sở, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhà trường và lực lượng đứng chân trên địa bàn trong tuyên truyền, vận động, phát hiện sớm, ngăn ngừa và xử lý các vấn đề phát sinh.

- Rà soát, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai tại vùng đồng bào Mông; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung và nguồn lực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan. Việc phát hiện, xử lý vi phạm phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật, kết hợp giữa tuyên truyền, giáo dục, vận động với biện pháp xử lý phù hợp; chú trọng phòng ngừa từ sớm, từ cơ sở, không để phát sinh vụ việc phức tạp.

2. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ và điều kiện sống của đồng bào Mông

- Xây dựng nội dung tuyên truyền tập trung vào những vấn đề cần chuyển biến thực chất trong đời sống của đồng bào. Đối với việc tang, chú trọng vận động thực hiện các nghi thức phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp; khắc phục tình trạng kéo dài thời gian tổ chức tang lễ, giết mổ nhiều gia súc, tổ chức ăn uống tốn kém, gây lãng phí, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và đời sống của gia đình. Đối với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, làm rõ quy định của pháp luật, hậu quả đối với sức khỏe, sự phát triển của trẻ em, chất lượng dân số và tương lai của gia đình, cộng đồng.

- Đổi mới phương thức tuyên truyền theo hướng lấy người dân làm trung tâm, lấy thay đổi nhận thức và hành vi làm thước đo hiệu quả. Kết hợp linh hoạt giữa tuyên truyền trực tiếp tại thôn, bản, hộ gia đình với tuyên truyền trên hệ thống báo chí, truyền thanh cơ sở, nền tảng số, mạng xã hội và các hình thức truyền thông trực quan; ưu tiên hình ảnh, tình huống thực tế, câu chuyện người thật, việc thật, mô hình hiệu quả và những cách làm phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

- Biên soạn, cung cấp các sản phẩm truyền thông ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với trình độ tiếp nhận của người dân; chú trọng sử dụng tiếng Mông trong các nội dung cần thiết. Phát huy hiệu quả hệ thống thông tin cơ sở, loa truyền thanh, phương tiện tuyên truyền lưu động và các kênh thông tin cộng đồng; bảo đảm nội dung truyền thông thống nhất, chính xác, thường xuyên và có khả năng tiếp cận trực tiếp đến từng nhóm đối tượng.

- Tổ chức các hội nghị, sinh hoạt cộng đồng, hoạt động ngoại khóa, tư vấn, truyền thông lưu động và hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với tuyên truyền pháp luật. Nội dung, hình thức tổ chức phải phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn; hạn chế tổ chức hình thức, dàn trải, trùng lặp. Việc cấp phát tài liệu, trang thiết bị tuyên truyền phải gắn với kế hoạch sử dụng, người chịu trách nhiệm quản lý và đánh giá hiệu quả thực tế.

- Tăng cường truyền thông về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào Mông; khuyến khích duy trì, phục hồi các giá trị tích cực trong tiếng nói, trang phục, âm nhạc, nghệ thuật trình diễn, nghề thủ công, nghi lễ và phong tục truyền thống. Phân biệt rõ những giá trị văn hóa cần gìn giữ, phát huy với những tập quán không còn phù hợp hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến sức khỏe, kinh tế gia đình, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

3. Phát huy vai trò của gia đình, dòng họ, người có uy tín và các lực lượng nòng cốt tại cộng đồng trong tuyên truyền, vận động thay đổi tập quán, tập tục lạc hậu, đồng thời, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào Mông

- Phát huy vai trò, uy tín và ảnh hưởng của trưởng bản, trưởng dòng họ, người có uy tín, nghệ nhân, chức sắc, chức việc, người đứng đầu các nhóm sinh hoạt tôn giáo và những cá nhân có tiếng nói trong cộng đồng; vận động họ trực tiếp tham gia giải thích, thuyết phục, nêu gương và hướng dẫn người dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang, chấp hành pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Rà soát, lựa chọn, củng cố các tổ tuyên truyền, vận động tại các bản đồng bào Mông trên cơ sở kế thừa lực lượng hiện có; bảo đảm thành phần phù hợp, có uy tín, am hiểu phong tục, tập quán và có khả năng giao tiếp bằng tiếng Mông. Xác định rõ nhiệm vụ của từng tổ, từng thành viên; ưu tiên tuyên truyền trực tiếp tại hộ gia đình, nắm bắt tình hình, phát hiện sớm những trường hợp có nguy cơ phát sinh hủ tục trong tang lễ, tảo hôn hoặc hôn nhân cận huyết thống để kịp thời phối hợp xử lý.

- Hằng năm, tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hòa giải và xử lý tình huống cho lực lượng nòng cốt tại cộng đồng. Nội dung tập huấn phải xuất phát từ những vấn đề thực tế ở địa bàn; kết hợp trao đổi kinh nghiệm, tham quan mô hình hiệu quả và hướng dẫn cách giải quyết những tình huống thường gặp trong đời sống gia đình, dòng họ và cộng đồng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa; gắn nội dung của Đề án với phong trào xây dựng gia đình văn hóa, bản văn hóa, hoạt động của chi bộ, họp bản, sinh hoạt đoàn thể và các sự kiện văn hóa phù hợp. Khuyến khích gia đình, dòng họ tự giác xây dựng và thực hiện các quy ước, cam kết phù hợp với pháp luật; coi trọng sự tự nguyện, đồng thuận và kết quả thực hiện thực tế, không chạy theo số lượng cam kết.

4. Tập trung phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng tảo hôn và nguy cơ hôn nhân cận huyết thống; bảo vệ trẻ em, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình, cộng đồng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định pháp luật có liên quan; làm rõ độ tuổi kết hôn, điều kiện kết hôn, các trường hợp pháp luật cấm kết hôn và hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Nội dung tuyên truyền phải chính xác về pháp luật, không đồng nhất quan hệ cùng dòng họ, cùng họ với trường hợp hôn nhân thuộc phạm vi cấm theo quy định pháp luật.

- Tập trung tuyên truyền, tư vấn cho học sinh, thanh thiếu niên, người trong độ tuổi trước khi kết hôn, cha mẹ và người trực tiếp tham gia quyết định việc kết hôn của con em; chú trọng các địa bàn, nhóm đối tượng có nguy cơ cao. Tăng cường giáo dục về sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, kỹ năng sống, quyền trẻ em, trách nhiệm của cha mẹ và những hệ quả của việc kết hôn sớm đối với học tập, sức khỏe, cơ hội việc làm và chất lượng cuộc sống.

- Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa chính quyền cấp xã, nhà trường, cơ quan tư pháp, y tế, công an, các tổ chức đoàn thể và lực lượng tại cơ sở trong nắm bắt tình hình, phát hiện sớm, tư vấn, vận động và ngăn ngừa nguy cơ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Khi phát hiện trường hợp có nguy cơ, phải kịp thời tiếp cận, tìm hiểu nguyên nhân, vận động gia đình và người liên quan chấp hành pháp luật; trường hợp có dấu hiệu vi phạm phải được xử lý theo đúng quy định và thẩm quyền.

- Gắn phòng ngừa tảo hôn với vận động trẻ em đến trường, duy trì việc học, hạn chế tình trạng bỏ học; quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em gái và thanh thiếu niên ở địa bàn xa trung tâm tiếp cận thông tin, dịch vụ tư vấn và các cơ hội học tập, đào tạo nghề, việc làm phù hợp. Bảo đảm việc tư vấn, hỗ trợ tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp, sự an toàn và đời tư của trẻ em; không kỳ thị, gây tổn thương hoặc tạo áp lực không phù hợp đối với các em và gia đình.

- Tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên môn và cơ sở y tế trong tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân, sức khỏe sinh sản và các nguy cơ sức khỏe liên quan đến hôn nhân cận huyết thống; bảo đảm thông tin khoa học, dễ hiểu, phù hợp với văn hóa và điều kiện tiếp cận dịch vụ của đồng bào Mông.

5. Gắn tuyên truyền, vận động với cải thiện điều kiện sinh hoạt, phát triển sinh kế và nâng cao đời sống của đồng bào Mông

- Rà soát nhu cầu, điều kiện thực tế tại từng bản để đề xuất, lồng ghép nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân. Ưu tiên các giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất và khả năng tổ chức thực hiện tại địa bàn vùng cao, biên giới.

- Tăng cường chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, phát huy lợi thế về cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; hỗ trợ người dân nâng cao năng lực sản xuất, từng bước cải thiện thu nhập, giảm khó khăn kinh tế. Việc nâng cao đời sống phải được xác định

là giải pháp nền tảng, góp phần tạo điều kiện để người dân tự giác thay đổi những tập quán gây tốn kém, lãng phí và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống.

- Rà soát thực trạng khu vực an táng tại các bản đồng bào Mông; trên cơ sở nhu cầu, điều kiện địa hình, phong tục, tập quán và quy định có liên quan, đề xuất phương án quy hoạch, bố trí khu vực nghĩa trang phù hợp, bảo đảm vệ sinh môi trường và khả năng tiếp cận. Ưu tiên xem xét đầu tư, cải thiện đường giao thông đến khu vực nghĩa trang tại những nơi thực sự cần thiết, có đủ điều kiện và nguồn lực thực hiện.

- Huy động, lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án và chính sách hỗ trợ có liên quan để thực hiện các nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển sinh kế, cải thiện hạ tầng và vệ sinh môi trường. Việc bố trí vốn phải căn cứ vào quy định, tiêu chí, định mức và khả năng cân đối ngân sách; xác định rõ danh mục, thứ tự ưu tiên, cơ quan thực hiện và nguồn vốn, không tính trùng nguồn lực hoặc đưa các nhiệm vụ đầu tư ngoài phạm vi, khả năng bảo đảm của Đề án vào dự toán tuyên truyền, vận động.

6. Xây dựng, đánh giá mô hình điểm; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và nhân rộng cách làm hiệu quả

- Lựa chọn bản Na Tao, xã Pù Nhi để xây dựng mô hình điểm về thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang; bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy để xây dựng mô hình điểm về phòng ngừa, tiến tới chấm dứt tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa hôn nhân cận huyết thống. Trước khi triển khai, tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định vấn đề trọng tâm, đối tượng cần vận động, giải pháp thực hiện, nguồn lực và các chỉ tiêu kết quả phù hợp với điều kiện của từng bản.

- Xây dựng kế hoạch triển khai riêng đối với từng mô hình, xác định rõ trách nhiệm của chính quyền cấp xã, lực lượng tuyên truyền tại cộng đồng, nhà trường, gia đình, dòng họ và các cơ quan liên quan. Định kỳ đánh giá kết quả theo các tiêu chí cụ thể; chú trọng mức độ thay đổi trong thực tế tổ chức tang lễ, tình trạng tảo hôn, việc chấp hành quy định pháp luật và sự tham gia chủ động của người dân, không chỉ đánh giá thông qua số lượng hội nghị, buổi tuyên truyền, người tham dự hoặc bản cam kết.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm từ các mô hình; lựa chọn, hoàn thiện và phổ biến các cách làm phù hợp để nhân rộng tại các bản đồng bào Mông khác. Việc nhân rộng phải căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng huy động nguồn lực và hiệu quả đã được kiểm chứng; tránh triển khai đồng loạt, hình thức hoặc áp dụng máy móc mô hình giữa các địa bàn có đặc điểm khác nhau.

- Xây dựng cơ chế theo dõi, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện Đề án thống nhất từ cấp xã đến cấp tỉnh; định kỳ rà soát các chỉ tiêu, phân tích những địa bàn, nhóm đối tượng và nội dung còn chuyển biến chậm để kịp thời điều chỉnh giải pháp. Kết quả đánh giá phải gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ và là căn cứ để xem xét biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có cách làm hiệu quả, đồng thời chấn chỉnh những nơi triển khai hình thức, thiếu chủ động hoặc không đạt yêu cầu.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất khi cần thiết; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để hướng dẫn, tháo gỡ hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Cuối giai đoạn thực hiện Đề án, tổ chức đánh giá toàn diện kết quả đạt được, mức độ hoàn thành mục tiêu, hiệu quả sử dụng nguồn lực, những tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm; làm cơ sở đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2026 – 2030 dự kiến khoảng **16.726,184 triệu đồng.**

2. Nguồn kinh phí

- Từ nguồn ngân sách tỉnh: Khoảng **10.457,784 triệu đồng.**

- Từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035: Khoảng **6.268,4 triệu đồng.**

- Lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành và khả năng cân đối ngân sách; các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có), bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

3. Nguyên tắc bố trí và sử dụng kinh phí

Kinh phí thực hiện Đề án là dự kiến, được xem xét bố trí hằng năm căn cứ nhiệm vụ, khối lượng, định mức, chế độ, tiêu chuẩn, khả năng cân đối ngân sách, nguồn lực xã hội hóa và quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp và tuân thủ quy định của pháp luật. Việc phân bổ, sử dụng kinh phí phải gắn với nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đầu ra và yêu cầu đo lường hiệu quả; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, có khả năng lan tỏa và tạo giá trị thiết thực. Cụ thể như sau:

- Kinh phí từ ngân sách tỉnh thực hiện các nội dung không quy định trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

- Những nội dung trùng hoặc tương đồng với nội dung quy định tại Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ[1] được vận dụng từ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2035.

(Chi tiết danh mục nhiệm vụ, phân công và chi tiết nhu cầu kinh phí, phân kỳ kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện tại Phụ lục của Đề án)

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả về kinh tế

- Thực hiện nếp sống văn hóa mới trong tang lễ giúp đồng bào Mông giảm bớt đi gánh nặng về kinh tế, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình, đặc biệt là kinh tế của hộ có người chết (*giảm chi phí, giảm việc tổ chức ăn uống linh*

[1] Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035

đình…), giảm thời gian tế lễ, giảm các thủ tục không cần thiết trong nghi thức tang lễ.

- Việc xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống giúp cho các cặp vợ chồng kết hôn đúng độ tuổi, có đủ sức khỏe, khả năng lao động để nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng giống nòi, giảm bớt gánh nặng an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

2. Hiệu quả về văn hóa, xã hội

- Việc tuyên truyền, vận động xóa bỏ các hủ tục trong tang lễ của đồng bào Mông chính là góp phần thực hiện tốt việc nâng cao hiểu biết pháp luật; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc tang theo các chỉ thị, văn bản hướng dẫn, quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, gắn liền với mục tiêu Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", xây dựng nông thôn mới; đồng thời, bảo tồn, phát huy được các giá trị truyền thống tốt đẹp của đồng bào Mông gắn liền với các nghi thức trong tang lễ.

- Qua công tác tuyên truyền giúp người dân nhận thức được tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng của vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết không chỉ có tác động xấu tới sức khỏe, sinh sản, chất lượng dân số…mà còn là hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Tạo được sự đồng thuận trong xã hội để chấm dứt tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ xảy ra hôn nhân cận huyết thống, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng đồng bào Mông, thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Hiệu quả về môi trường

Việc tuyên truyền, vận động xóa bỏ các hủ tục trong tang lễ của đồng bào Mông, người chết không để dài ngày trong nhà sẽ tác động tích cực đến môi trường sống được đảm bảo vệ sinh trong sạch, không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cho những người thân trong gia đình và cộng đồng, đồng thời góp phần bảo đảm vệ sinh môi trường xung quanh.

4. Hiệu quả về quốc phòng, an ninh trật tự

Sự thay đổi trong nhận thức của người dân sẽ làm cho các thế lực phản động ít có cơ hội lợi dụng hủ tục, quan niệm lạc hậu của người dân vùng đồng bào Mông để xuyên tạc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới chủ quyền Quốc gia; mặt khác, do giảm việc tổ chức ăn uống linh đình, nên cũng giảm được việc uống rượu, từ đó an ninh trật tự khu vực đám tang và an toàn giao thông được đảm bảo.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan thường trực Đề án; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, các cơ quan báo chí truyền thông và các đơn vị có liên quan chủ động xây

dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2026 – 2030 (hoàn thành trước 10/12/2026) và kế hoạch hàng năm (trước ngày15/01); hướng dẫn UBND các xã thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng quy định; tham mưu báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí chi tiết các nội dung thực hiện Đề án gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, UBND các xã có đồng bào Mông cư trú tổ chức xây dựng mô hình, các hội nghị tuyên truyền; biên soạn, cấp phát, phát sóng các sản phẩm truyền thông...để tuyên truyền, vận động xóa bỏ các hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa hôn nhân cận huyết thống.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã có đồng bào Mông cư trú tham mưu đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh cân đối kinh phí từ ngân sách tỉnh và kinh phí thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm việc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

- Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp lồng ghép tuyên truyền các nội dung của Đề án với việc triển khai các quy định của Trung ương, của tỉnh về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội cho người dân vùng đồng bào Mông.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện phong trào xây dựng "Làng văn hoá", "Gia đình văn hoá" gắn liền với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", đưa các nội dung thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ đồng bào Mông vào nội dung của hương ước, quy ước nếp sống văn hoá của làng, bản vùng đồng bào Mông. Thực hiện bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của đồng bào Mông.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và các nội dung của Đề án; chú trọng tuyên truyền, vận động đồng bào Mông thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, từng bước loại bỏ các tập quán lạc hậu, không còn phù hợp.

4. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp lồng ghép triển khai hướng dẫn cán bộ, nhân dân vùng đồng bào Mông thực hiện Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về vệ sinh trong hoạt động mai táng và hoả táng.

- Chủ trì lồng ghép các hình thức truyền thông dân số, can thiệp y tế cộng đồng, cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho người dân thuộc nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 nhằm góp phần xoá bỏ tình trạng tảo hôn,

ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống và các hệ lụy về di truyền học trong vùng đồng bào Mông của tỉnh.

- Chỉ đạo các Trạm y tế, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số trong vùng đồng bào Mông thực hiện các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về sức khoẻ sinh sản, về hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã thuộc vùng đồng bào Mông tổ chức tuyên truyền, giáo dục học sinh về giới tính, các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, tác hại, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, định hướng việc tiếp cận các luồng thông tin và các trang mạng xã hội, tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh...lồng ghép phù hợp trong các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa, sinh hoạt Đoàn, Đội, câu lạc bộ và các hình thức phù hợp khác.

6. Sở Tư pháp

- Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh hướng dẫn, tổ chức các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trọng tâm là vùng đồng bào Mông về các vấn đề liên quan đến đăng ký kết hôn khi đủ điều kiện và các vấn đề pháp lý khác về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức các hội nghị tuyên truyền, lớp tập huấn và các hoạt động tuyên truyền có liên quan trong triển khai thực hiện Đề án.

7. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã khu vực biên giới có đồng bào Mông cư trú, căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các Đồn biên phòng rà soát, nắm chắc tình hình, thực trạng và triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ và giảm thiểu tiến tới chấm dứt tình trạng tảo hôn, duy trì không còn hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào Mông gắn với đảm bảo an ninh trật tự ở khu vực biên giới.

8. Công an tỉnh

Chỉ đạo Công an xã, Tổ An ninh trật tự các thôn bản vùng đồng bào Mông phối hợp với chính quyền địa phương, Ban quản lý thôn bản thực hiện công tác tuyên truyền, phát hiện sớm, ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật phát sinh trong tổ chức tang lễ và các hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn.

9. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Đề nghị phối hợp hướng dẫn, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tại các xã vùng đồng bào Mông đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ, xóa bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông.

- Đề nghị phối hợp hướng dẫn Đảng ủy các xã thuộc vùng đồng bào Mông chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ

trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang; xây dựng nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới.

10. Đề nghị Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

- Đề nghị Ban thường trực Uỷ ban MTTQ tỉnh chỉ đạo Uỷ ban MTTQ Việt Nam các xã; Ban công tác mặt trận các thôn bản có đồng bào Mông cư trú phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, Ban quản lý các thôn bản trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào Mông thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ; thực hiện tốt các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, xoá bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống; tham gia giám sát các nội dung hoạt động của Đề án.

- Đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: Chỉ đạo Hội Liên hiệp phụ nữ các xã, Chi hội phụ nữ các thôn bản vùng đồng bào Mông tổ chức các hoạt động tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ, tuyên truyền các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, sức khoẻ sinh sản cho hội viên phụ nữ.

- Đề nghị Tỉnh Đoàn thanh niên: Chỉ đạo Đoàn thanh niên các xã, chi đoàn các thôn bản vùng đồng bào Mông tổ chức các hoạt động tuyên truyền về các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, sức khoẻ sinh sản, các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn việc làm, định hướng sử dụng các thiết bị điện tử và trang mạng xã hội cho thanh thiếu niên.

- Đề nghị Hội Người cao tuổi tỉnh: Chỉ đạo Hội người cao tuổi các xã, Chi hội người cao tuổi các thôn bản đẩy mạnh tuyên truyền đến hội viên nội dung xoá bỏ các hủ tục, thực hiện nếp sống văn minh trong tang lễ, quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; vận động con cháu, người thân trong gia đình, họ hàng thực hiện tốt các nội dung của Đề án.

11. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ngành có liên quan, UBND các xã có đồng bào Mông cư trú xây dựng các phóng sự, bản tin, chuyên đề (*bằng các hình thức: báo in, truyền thanh, truyền hình*) tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ; hậu quả, tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào Mông, chú trọng tuyên truyền bằng tiếng Mông để đồng bào Mông dễ hiểu, dễ tiếp cận thông tin.

12. UBND các xã có đồng bào Mông cư trú

- Căn cứ Đề án được phê duyệt chủ động xây dựng Kế hoạch với các nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để triển khai thực hiện Đề án đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; xây dựng kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 (hoàn thành trước 15/12/2026) và kế hoạch hàng năm (trước ngày15/01); đồng thời, gửi Kế hoạch về Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp theo quy định.

- Chú trọng đưa mục tiêu, nhiệm vụ về tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ, thực hiện pháp luật về hôn nhân và gia đình, xoá bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông

vào chương trình, kế hoạch hoạt động của địa phương; đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, bản văn hoá, xây dựng nông thôn mới tại các thôn bản đồng bào Mông.

- Tổ chức có hiệu quả các hội nghị tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ đồng bào Mông; các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, vận động xoá bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống gắn liền với hoạt động văn hoá, văn nghệ truyền thống của đồng bào Mông.

- Chỉ đạo các nhà trường, trạm y tế trên địa bàn xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn cho người dân, học sinh các nhà trường về Luật Hôn nhân và gia đình, các quy định pháp luật có liên quan, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; sức khoẻ sinh sản, định hướng cho học sinh cách sử dụng điện thoại thông minh, các trang mạng xã hội; tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh…

- Phối hợp chặt chẽ với các đồn Biên phòng đóng chân trên địa bàn xã; chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã, Công an xã kịp thời phát hiện, tuyên truyền, thuyết phục các gia đình không thực hiện các hủ tục trong các đám tang; ngăn chặn, xử lý các vụ việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống theo quy định của pháp luật để tạo tính răn đe.

- Định kỳ hằng năm thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, khen thưởng các tập thể, cá nhân gương mẫu, điển hình trong triển khai thực hiện Đề án.

II. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO.

- UBND các xã có đồng bào Mông cư trú: Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị trong việc triển khai thực hiện Đề án gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo định kỳ 06 tháng (*gửi trước 30/5*) và báo cáo năm (*trước 30/11*) hằng năm.

- Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả, khó khăn, vướng mắc, giải pháp, đề xuất kiến nghị trong việc triển khai thực hiện Đề án, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh định kỳ 06 tháng (*gửi trước 15/6*) và báo cáo năm (*trước 10/12*) hằng năm./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đề án "Tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục trong tang lễ, tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 – 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
	TỔNG KINH PHÍ					**4.624,25**	**3.786,67**	**4.221,25**	**4.094,014**	**16.726,184**	**10.457,784**	**6.268,4**	
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án	Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã vùng ĐB Mông	Các Sở, ngành có liên quan	Tháng 11 - 12/2026	Kế hoạch của các sở, ngành, UBND các xã vùng ĐB Mông triển khai thực hiện Đề án								
2	- Xây dựng 02 mô hình điểm Lựa chọn bản Na Tao xã Pù Nhi để xây dựng mô hình điểm về thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang. Lựa chọn bản Mùa Xuân tại xã Sơn Thuỷ để xây dựng mô hình điểm không còn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. - Nhân rộng hoạt động mô hình ra 25 bản	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND xã Pù Nhi, Sơn Thuỷ	Các sở, ngành có liên quan	Năm 2027 xây dựng mô hình điểm; Từ năm 2028 - 2030 nhân rộng hoạt động mô hình	Mô hình điểm thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang; Mô hình điểm không còn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	200	750	750	750	2.450	2.450		

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
3	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tổ chức các hội nghị, hội thi, các hoạt động tuyên truyền, vận động xóa bỏ các hủ tục trong tang lễ; xóa bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống, các hủ tục khác trong đời sống.					1.630,75	1.744,95	1.630,75	1.744,95	6.751,4	1.624	5.127,4	
3.1	*Tổ chức các hội nghị tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn hoá trong tang lễ đồng bào Mông*	*UBND các xã vùng đồng bào Mông*	*Các sở, ngành, đơn vị có liên quan*	*Hằng năm*	*Tổ chức 14 hội nghị tuyên truyền/năm*	*406*	*406*	*406*	*406*	*1.624*	*1.624*		
3.2	*Tổ chức hoạt động truyền thông tuyên truyền xóa bỏ tình trạng tảo hôn và ngăn ngừa nguy cơ hôn nhân cận huyết thống gắn liền với hoạt động văn hoá, văn nghệ truyền thống của đồng bào Mông.*	*UBND các xã vùng đồng bào Mông*	*Các sở, ngành, đơn vị có liên quan*	*Hằng năm*	*Tổ chức 23 hoạt động truyền thông/năm*	*1.224,75*	*1.224,75*	*1.224,75*	*1.224,75*	*4.899*		*4.899*	
3.3	*Tổ chức hội thi sân khấu hoá giữa các địa phương có đồng bào Mông cư trú để thực hiện công tác tuyên truyền xóa bỏ tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, các sở ngành, đơn vị có liên quan, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Năm 2028, 2030*	*Tổ chức 02 hội thi sân khấu hóa vào năm 2028 và 2030*		*114,2*		*114,2*	*228,4*		*228,4*	

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
4	Đẩy mạnh hoạt động của hệ thống báo chí, truyền thông của tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở vùng đồng bào Mông trong công tác tuyên truyền; chú trọng biên soạn, cấp phát, phát sóng các sản phẩm truyền thông.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở ngành, đơn vị có liên quan, UBND các xã vùng ĐB Mông	Hằng năm	- Phát hành, cấp phát các sản phẩm truyền thông. - Sản xuất phát sóng các tin bài, phóng sự trên hệ thống Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh; clip tiểu phẩm tuyên truyền	625	172	172	172	1.141		1.141	
4.1	*Báo in (Tin bài trên Báo và phát thanh truyền hình tỉnh, 02 tin/quý*4 quý/năm)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Hằng năm Từ 2027 - 2030*	*Tin bài trên báo in của Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh*	64	64	64	64	256		256	
4.2	*Phóng sự truyền hình (Phóng sự trên Báo và phát thanh truyền hình tỉnh, 01 phóng sự/quý * 4 quý/năm)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Hằng năm Từ 2027 - 2030*	*Phóng sự truyền hình trên Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh*	68	68	68	68	272		272	

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
4.3	*Phóng sự phát thanh (Phóng sự trên Báo và phát thanh truyền hình tỉnh, 01 phóng sự/quý * 4 quý/năm)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Hằng năm Từ 2027 - 2030*	*Phóng sự phát thanh trên Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh*	40	40	40	40	160		160	
4.4	*Clip Tiểu phẩm tuyên truyền (xây dựng 5 clip tiểu phẩm tuyên truyền)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Năm 2027*	*Clip tuyên truyền*	175				175		175	
4.5	*In tờ gấp tuyên truyền (cấp phát cho mỗi bản đồng bào Mông 400 tờ/bản * 25 bản)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã vùng ĐB Mông*	*Năm 2027*	*Tờ gấp tuyên truyền cấp phát cho các thôn bản vùng ĐB Mông*	38				38		38	
4.6	*Xây dựng, lắp đặt pa nô tuyên truyền (in ấn, lắp đặt pa nô cho mỗi bản đồng bào Mông 02 cái/bản * 25 bản)*	*Sở Dân tộc và Tôn giáo*	*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành, đơn vị, UBND các*	*Năm 2027*	*Pa nô tuyên truyền in ấn, lắp đặt tại các bản vùng ĐB Mông*	240				240		240	

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
			xã vùng ĐB Mông										
5	Thành lập và duy trì hoạt động của tổ tuyên truyền, vận động xóa bỏ các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới tại các bản đồng bào Mông.	UBND xã vùng đồng bào Mông	Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở ngành, đơn vị có liên quan	Thành lập tổ Tuyên truyền, vận động vào năm 2027 và duy trì hoạt động thường xuyên	Thành lập Tổ tuyên truyền, vận động và duy trì hoạt động của Tổ	937,66	388,88	937,66	388,88	2.653,08	2.653,08		
6	Hỗ trợ loa di động cho các bản phục vụ công tác tuyên truyền lưu động gắn với sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	UBND các xã vùng đồng bào Mông	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các sở, ngành, đơn vị có liên quan;	Năm 2027	Hỗ trợ kinh phí mua sắm loa di động cho 25 bản đồng bào Mông, mỗi bản 01 bộ	500				500	500		
7	Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào Mông gắn liền với các nghi thức trong tang lễ, cưới hỏi.	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND xã vùng ĐB Mông	Hằng năm	Tổ chức 02 lớp tập huấn, bảo tồn văn hóa/năm	540,84	540,84	540,84	540,84	2.163,36	2.163,36		
8	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống	UBND các xã vùng	Sở Nông nghiệp và	Thường xuyên	- Triển khai thực hiện có hiệu quả các								Vận dụng

stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Kết quả, sản phẩm	Kinh phí dự kiến					Chia theo nguồn kinh phí		Ghi chú
						Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng	Ngân sách tỉnh	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	
	người dân vùng đồng bào Mông, thực hiện quy hoạch nghĩa địa tập trung, làm đường giao thông thuận lợi ra nghĩa địa, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, xóa bỏ các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới.	đồng bào Mông	Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các sở, ngành có liên quan.		chương trình chính sách hỗ trợ cho vùng ĐB Mông; - UBND các xã tiến hành quy hoạch, hoàn thiện hạ tầng các khu nghĩa địa tập trung; xây dựng đường giao thông thuận lợi ra khu nghĩa địa.								nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, chính sách trọng tâm là các Chương trình MTQG
9	Đánh giá, sơ kết, tổng kết, biểu dương điển hình trong triển khai thực hiện tốt các nội dung của Đề án.	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND các xã vùng ĐB Mông	Các sở, ngành có liên quan	Thực hiện sơ kết hằng năm Tổ chức tổng kết vào năm 2030, biểu dương các điển hình	- Hội nghị sơ kết hằng năm; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu - Hội nghị tổng kết vào cuối giai đoạn, biểu dương, khen thưởng các tập thể cá nhân có nhiều thành tích.	190	190	190	497,344	1.067,344	1.067,344		